

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 753/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2020.

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy
2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2020/TLST-HN ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lệ H, sinh năm: 1975. Địa chỉ: 401C Ng.H, TP.QN, tỉnh BĐ.

Bị đơn: Anh Đặng Thanh Th, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ 17B, KV4, P. ĐĐ, TP.QN, tỉnh BĐ.

(Chị Hà, anh Thúy có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ H trình bày:

Chị và anh Đặng Thanh Th trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm và chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2000, đến ngày 10/10/2000, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐĐ, TP. QN, tỉnh BĐ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do anh Th sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu đi làm, không phụ giúp về kinh tế để nuôi con, rượu chè, cờ bạc. Mâu thuẫn của vợ chồng cha mẹ hai bên đều biết và đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được. Mâu thuẫn gay gắt nhất là từ năm 2014, chị có đơn xin ly hôn, nhưng được Tòa động viên, phân tích và anh Th có viết giấy cam đoan tại Tòa là sẽ sửa đổi nên chị đã rút đơn ly hôn. Nhưng từ khi rút đơn ly hôn đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc, tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Nay chị không còn tình cảm với anh Th nên chị yêu cầu được ly hôn anh Đặng Thanh Th để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đặng T. Ph, sinh ngày 10/11/2000 và Đặng X.H, sinh ngày 01/01/2004. Hiện nay sức khỏe các con bình thường, đang sống với anh Th. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng X.H, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Riêng Đặng T.Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Th tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa giải quyết.

**Bị đơn anh Đặng Thanh Th trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay:*

Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Anh và chị H trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm và chúng sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2000, đến ngày 10/10/2000 anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐĐ, TP. QN, tỉnh BĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng có kinh cãi, bản thân anh cũng có thường xuyên nhậu nhẹt, có cờ bạc nhưng không nhiều, thỉnh thoảng anh có ghi sổ đề, kinh tế trong gia đình do chị H lo liệu, anh không có việc làm ổn định, không có thu nhập, kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2014 chị H có đơn xin ly hôn, tại Tòa anh có viết cam đoan là từ bỏ rượu chè, lo làm ăn nuôi con nên chị H đã rút đơn. Sau khi rút đơn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm.

Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì các con còn nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vì vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng T.Ph, sinh ngày 10/11/2000 và Đặng X.H, sinh ngày 01/01/2004. Hiện nay sức khỏe các con bình thường, đang sống với anh. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng X.H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu chị H phải có trách nhiệm với con. Riêng Đặng T.Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Lệ H và bị đơn anh Đặng Thanh Th đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật TTDS.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:* Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Lệ H xin ly hôn anh Đặng Thanh Th.

- Con chung: Chị H, anh Th có 02 con chung là Đặng T.Ph, sinh ngày 10/11/2000 và Đặng X.H, sinh ngày 01/01/2004. Giao con chung Đặng X.H cho anh Th nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H đến khi có đơn yêu cầu. Riêng Đặng T.Ph đã trưởng thành, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Tài sản chung: Chị H và anh Th không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Án phí HNGĐ: Chị Trần Thị Lệ H phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Chị Trần Thị Lệ H và anh Đặng Thanh Th trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐĐ, TP. QN, tỉnh BD, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu đi làm để lo kinh tế cho gia đình, còn cờ bạc, rượu chè, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Trước đây chị đã có đơn xin ly hôn nhưng để tạo điều kiện cho anh Th có cơ hội, thời gian sửa đổi nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên sau khi rút đơn đến nay vợ chồng sống vẫn không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Đặng Thanh Th để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay, anh Th cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do anh không có việc làm ổn định, không có thu nhập, mọi chi phí trong gia đình đều do chị H lo liệu, bản thân anh đôi lúc cũng có bài bạc, số đề và ăn nhậu nhưng không đáng kể. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Anh không đồng ý ly hôn vì anh sợ

ảnh hưởng đến các con. Tuy anh Th không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Lệ H được ly hôn anh Đặng Thanh Th là phù hợp với Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị H và anh Th thống nhất có hai con chung là Đặng T.Ph, sinh ngày 10/11/2000 và Đặng X.H, sinh ngày 01/01/2004. Tại phiên Tòa hôm nay, chị H và anh Th thống nhất giao con chung Đặng X.H cho anh Th nuôi dưỡng. Chị H không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Đặng T.Ph đã trưởng thành, không yêu cầu tòa giải quyết.

Tòa xét, việc thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa chị H và anh Th phù hợp theo quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu X.H nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh Th không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí : Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội chị Trần Thị Lệ H phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Lệ H được ly hôn anh Đặng Thanh Th.

2- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Chị Trần Thị Lệ H và anh Đặng Thanh Th có hai con chung là Đặng T.Ph, sinh ngày 10/11/2000 và Đặng X.H, sinh ngày 01/01/2004.

2.2. Giao cháu Đặng X.H cho anh Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H đến khi có đơn yêu cầu. Riêng Đặng T.Ph đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3 - Tài sản chung: Chị Trần Thị Lệ H và anh Đặng Thanh Th không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4 - Án phí HNGĐST: Chị Trần Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số số 0008193 ngày 10/7/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ngọc Lan

